CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công nghiệp Tung Kuang

Ngày 31/12/2025	13,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.5%	**-0.7%**	**-3.9%**

DT thuần
Q4/25
164
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.0| 15.3%
YoY: ▼36.0| -18.1%

LN thuần
Q4/25
12.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.9| 1140%
YoY: ▼6.20| -32.5%

LN sau thuế
Q4/25
8.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0| 360%
YoY: ▼6.67| -43.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.7%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE
2025
5.9%
YoY: +/-▼ 4.2%

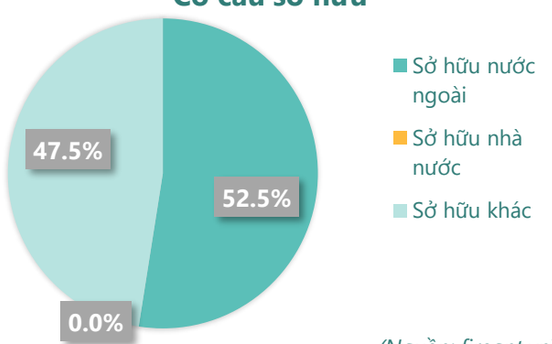
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,023 - 17,409
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	633
Số lượng CPLH (CP)	46,881,398
KLGD BQ 20 phiên (CP)	930
Sở hữu nước ngoài	52.5%
Beta	(0.25)
EPS	691
P/E	19.5

DT thuần
2025
691
tỷ VNĐ
YoY: ▼128| -15.6%

LN thuần
2025
48.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.1| -25.0%

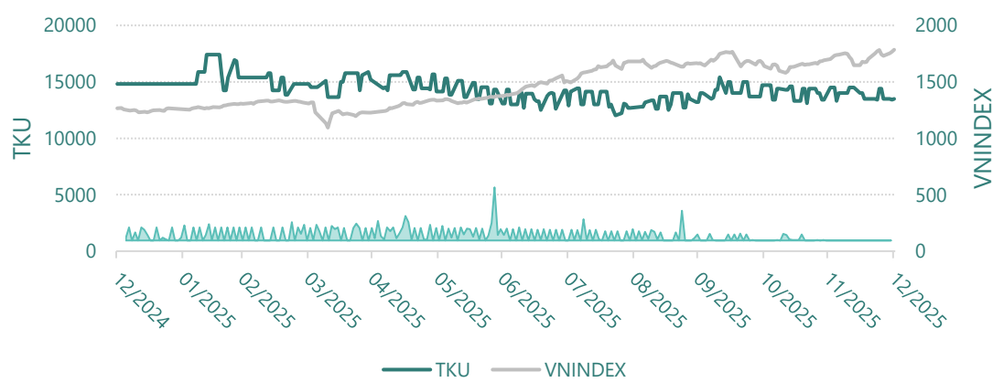
LN sau thuế
2025
32.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.2| -38.4%

Cơ cấu sở hữu

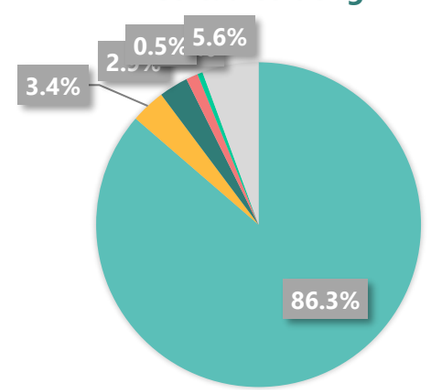


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

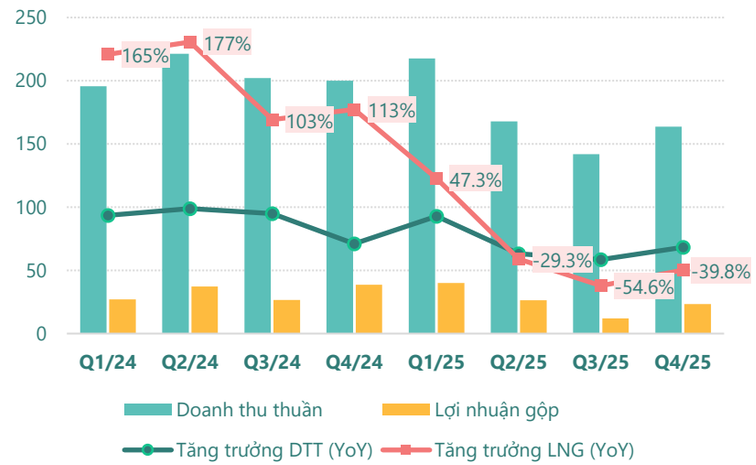


- Rich International Holding LLC
- Liu Chien Hung (Tổng giám đốc)
- Ngô Thị Ngọc Quyên (Trưởng ban kiểm soát)
- Ma Chia Lung (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Liu Chen Chin (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

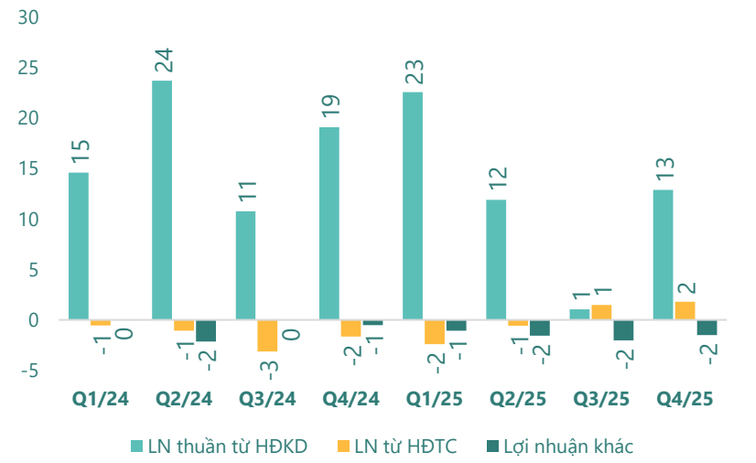
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



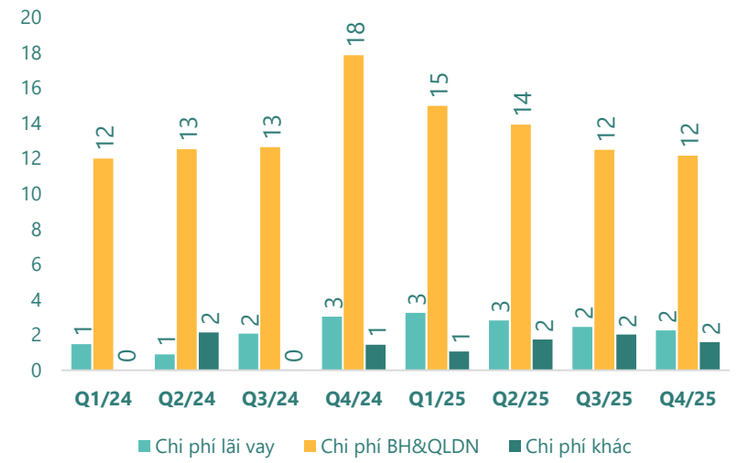
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



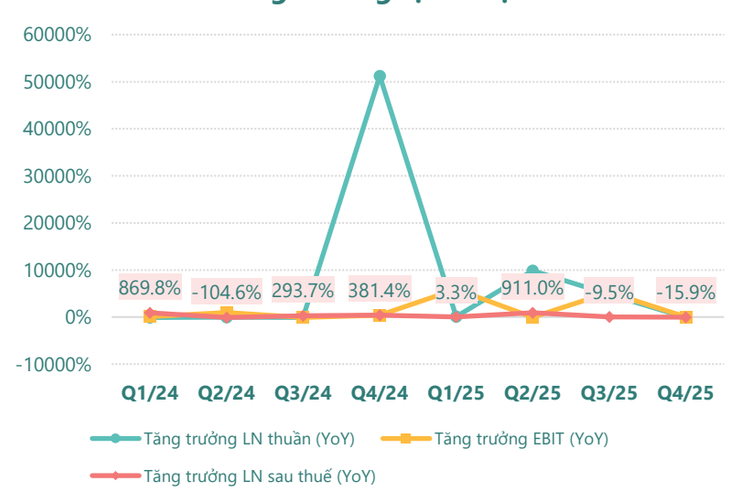
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



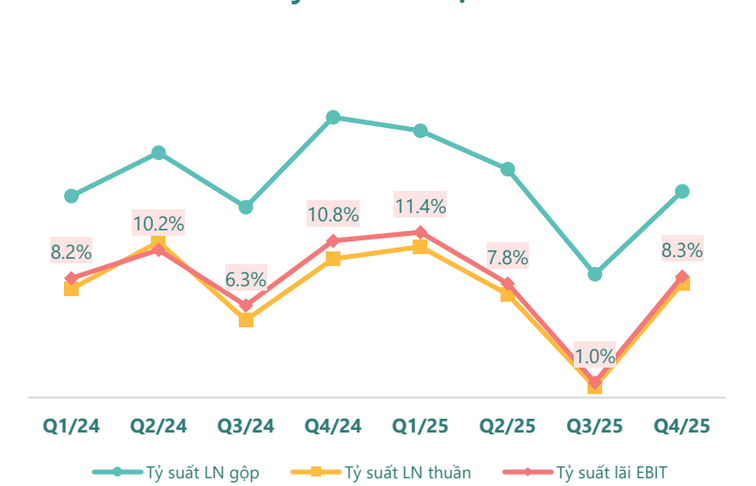
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



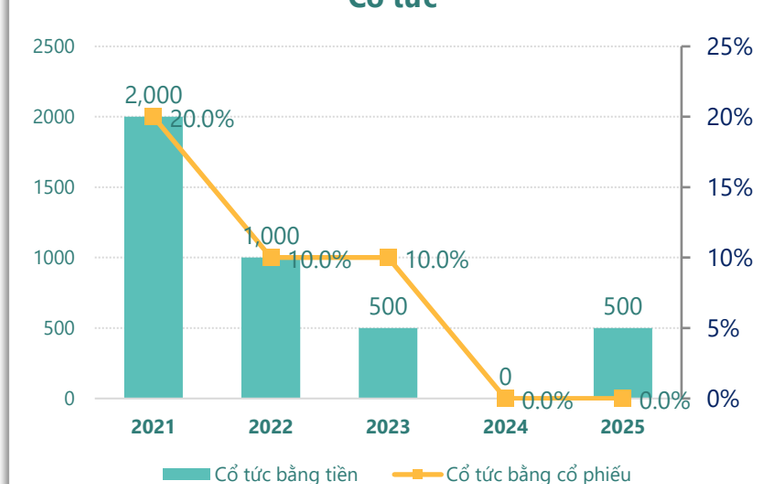
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

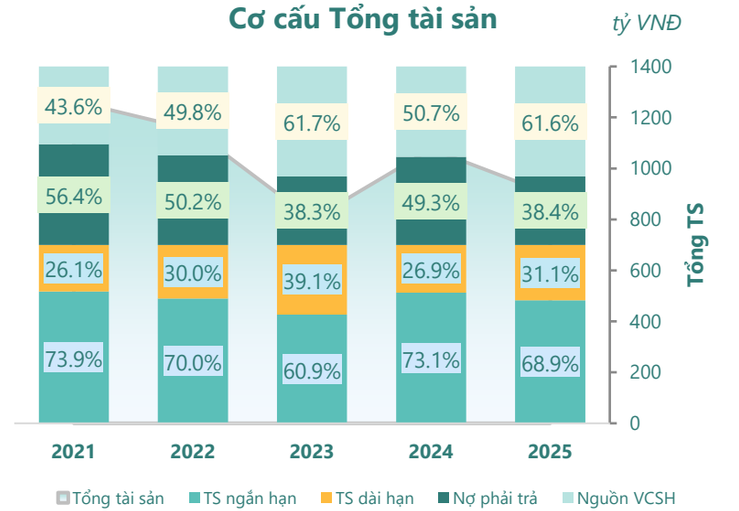
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

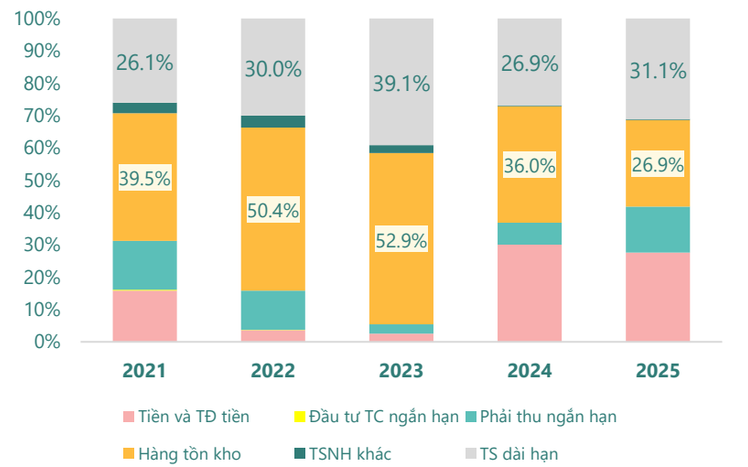
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



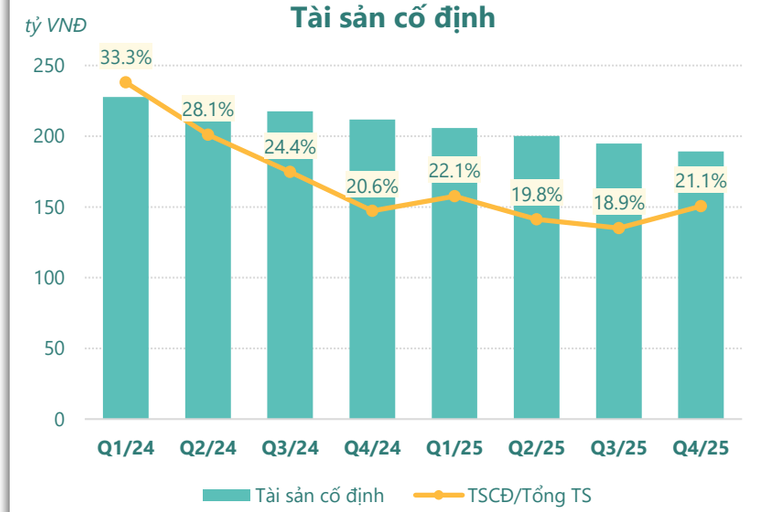
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



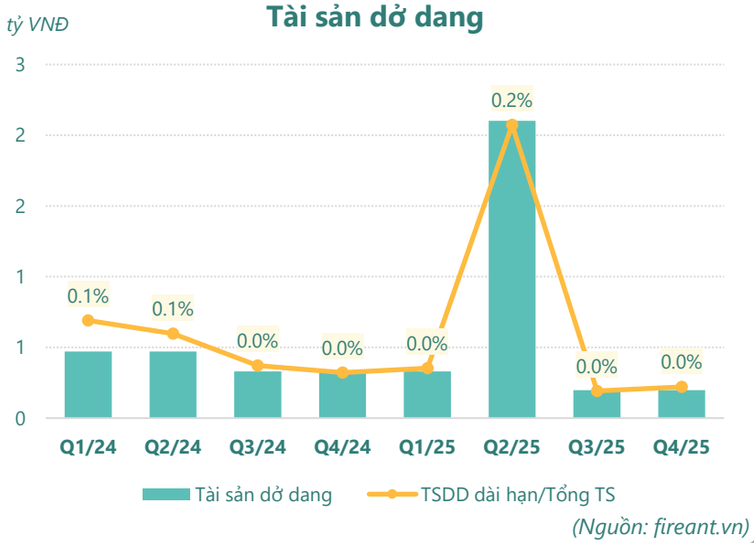
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



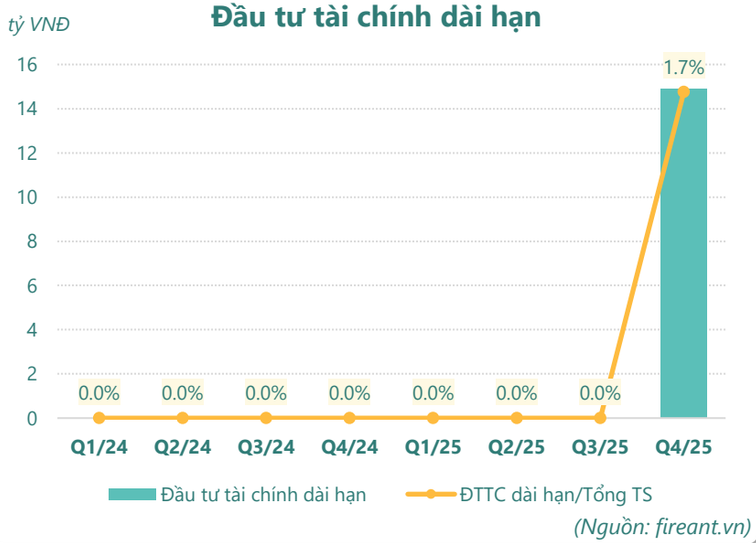
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



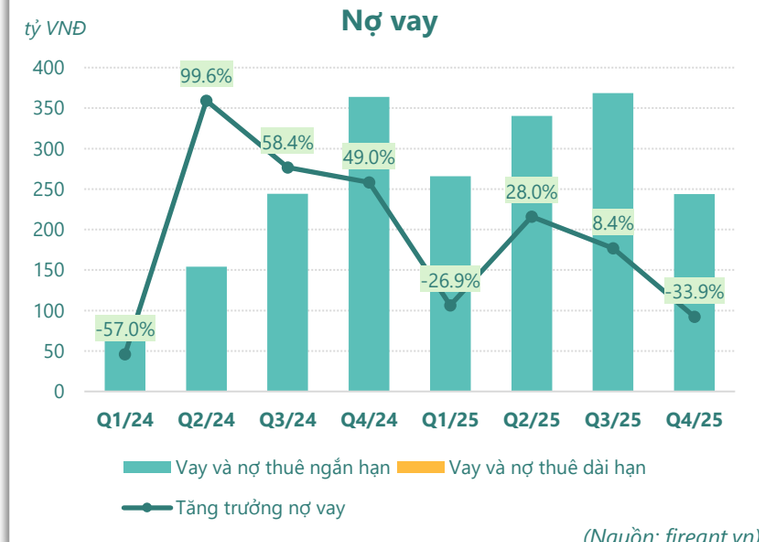
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

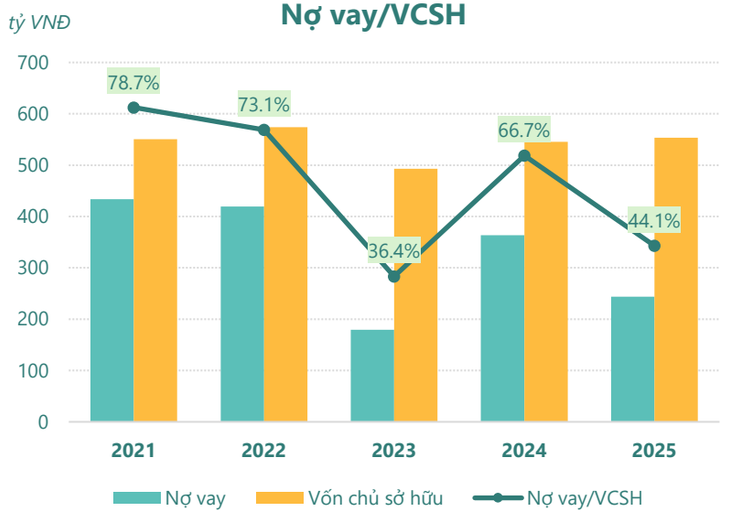
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

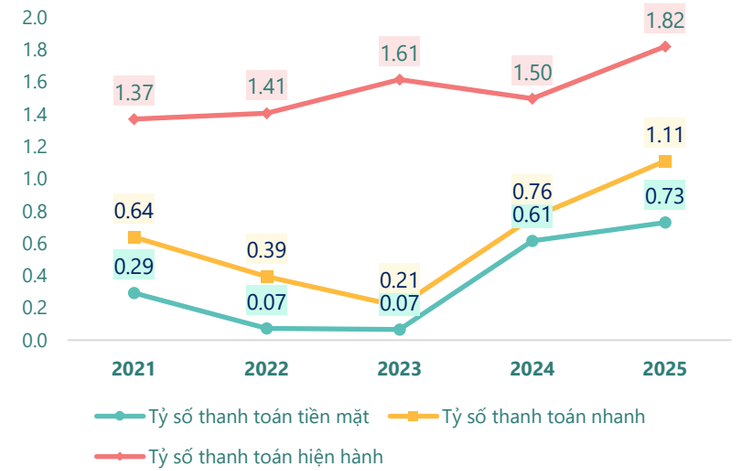
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



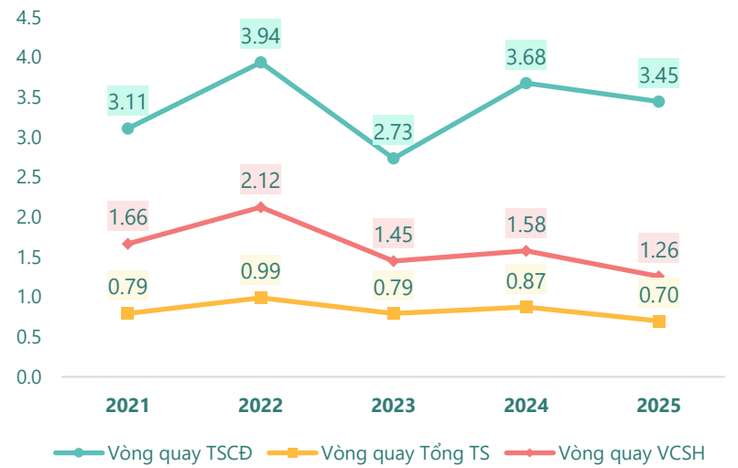
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



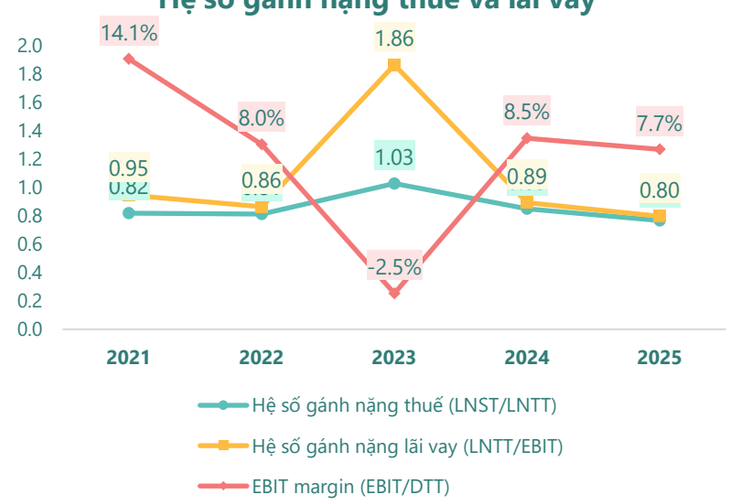
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



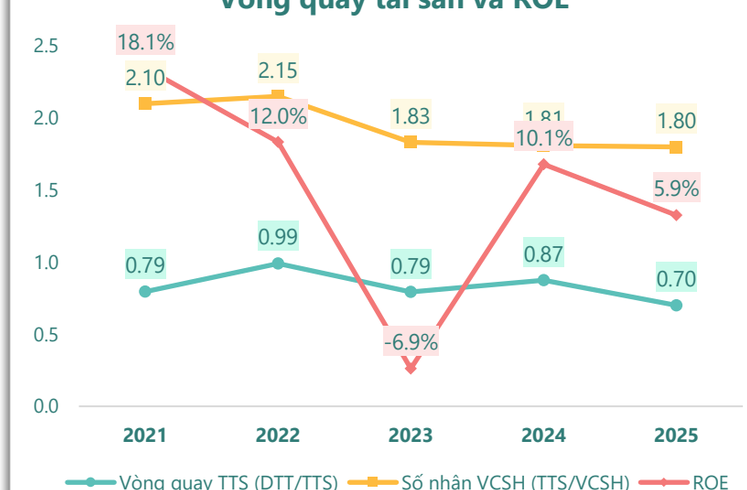
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



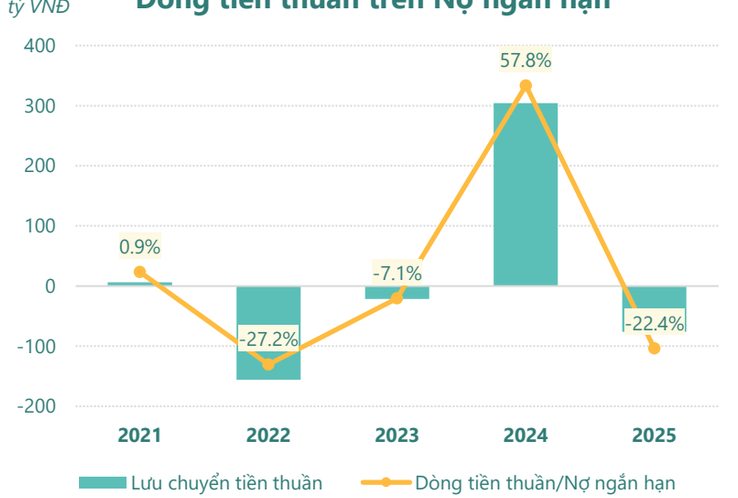
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**164**	**200**	**-18.1%**	**691**	**819**	**-15.6%**
Giá vốn hàng bán	140	161	-12.8%	589	684	-13.8%
Lợi nhuận gộp	23.3	38.6	-39.8%	102	135	-24.6%
Doanh thu HĐTC	5.44	4.76	14.3%	16.8	8.24	104%
Chi phí TC	3.63	6.41	-43.3%	16.5	14.2	16.5%
Chi phí lãi vay	2.27	3.04	-25.4%	10.8	7.48	44.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.76	7.84	-77.6%	12.7	25.2	-49.5%
Chi phí QLDN	**10.4**	**10.0**	**4.0%**	**40.9**	**39.3**	**4.1%**
LN thuần từ HĐKD	12.9	19.1	-32.5%	48.5	64.6	-25.0%
Lợi nhuận khác	**-1.50**	**-0.53**	**-183%**	**-6.16**	**-2.74**	**-125%**
LN trước thuế	11.4	18.6	-38.7%	42.3	61.9	-31.7%
Lợi nhuận sau thuế	**8.63**	**15.3**	**-43.6%**	**32.4**	**52.6**	**-38.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.63**	**15.3**	**-43.6%**	**32.4**	**52.6**	**-38.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-103	37.0	67.7	42.0	-24.4	-40.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.0	5.61	1.93	-0.18	10.1	-9.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	109	120	-97.8	74.6	24.6	-125
Tiền đầu kỳ	139	162	324	296	412	422
Lưu chuyển tiền thuần	**23.3**	**162**	**-28.2**	**116**	**10.3**	**-175**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.40	0.40	0
Tiền cuối kỳ	162	324	296	412	422	248

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**898**	**1,077**	**-16.6%**
Tài sản ngắn hạn	618	788	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	248	324	-23.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	128	72.9	74.9%
Hàng tồn kho	241	388	-37.9%
Tài sản ngắn hạn khác	2.17	3.17	-31.6%
Tài sản dài hạn	**279**	**289**	**-3.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	189	211	-10.5%
Bất động sản đầu tư	63.5	66.9	-5.0%
Tài sản dở dang	0.20	0.33	-40.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	0	
Tài sản dài hạn khác	**11.5**	**10.6**	**8.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	345	531	-35.1%
Nợ ngắn hạn	**340**	**526**	**-35.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	244	364	-33.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	69.6	-71.9%
Nợ dài hạn	5.03	5.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**553**	**546**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**553**	**546**	**1.4%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)